

Bản án số: **20/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 22/5/2020

*“Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời và bà Nguyễn Thị Tươi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/ST-HNGĐ ngày 17/01/2020 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1982.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1980.

Đều ĐKKH và cư trú: Thôn Trà T, xã An T, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Có mặt chị D, vắng mặt anh H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Đ (nay là xã An T), thành phố Hải Dương vào ngày 09/6/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn Trà T, xã An T, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, và hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H chơi bời, nghiện ma túy và từng 2 lần đi tù đều về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Cách đây nửa năm, anh H ra tù. Sau khi ra tù, anh H vẫn chơi bời, thường xuyên qua đêm, không chăm lo phát triển kinh tế cùng gia đình. Chị và bố mẹ đẻ anh H đã khuyên bảo, tha thứ nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Đến nay, chị và anh Hạnh sống ly thân, không còn tình cảm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với

anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Đỗ Quang H1, sinh ngày 31/3/2009 và Đỗ Hương G, sinh ngày 02/12/2005. Chị là người chăm sóc các con từ nhỏ cho đến nay. Hiện, chị là nhân viên của Công ty TNHH A Việt Nam thuộc khu công nghiệp N, thu nhập bình quân hàng tháng là 11.458.000đ. Do anh H không có nghề nghiệp thu nhập và nghiện ma túy. Nên khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không có công sức đóng góp chung với gia đình nội, ngoại hai bên.

* *Bị đơn anh Đỗ Văn H* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, vắng mặt và không có quan điểm trình bày.

* *Ông Đỗ Văn Th (bố đẻ của anh H) trình bày:* Chị D và anh H kết hôn năm 2005. Quá trình chung sống, anh chị hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H chơi bời, không tu chí làm ăn và bị kết án về tội ma túy. Nay chị D đề nghị ly hôn với anh H, quan điểm của ông mong muốn các con đoàn tụ, nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, chị D và anh H có 02 con chung như chị D đã trình bày. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung đều do chị D thực hiện, anh H không có nghề nghiệp và thu nhập. Ông đề nghị xem xét giải quyết theo nguyện vọng của các con chung. Về tài sản chung, nợ chung, ông đề nghị giải quyết theo đề nghị của chị D. Anh H vẫn sinh sống ở địa phương, hiện không có nhà. Do không liên quan đến vụ án nên ông không đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh H.

* *Kết quả xác minh tại UBND xã An T:* Chị D và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Đ (nay là xã An T) vào ngày 09/6/2005. Hiện anh H, chị D vẫn sinh sống ở địa phương. Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung và mâu thuẫn vợ chồng cụ thể địa phương không rõ. Tuy nhiên được biết, anh H là đối tượng nghiện ma túy, đã 02 lần đi tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định.

Tại phiên tòa:

- Chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày với Tòa án.

- Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại BLTTDS. Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ xử: Cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Đỗ Văn H. Về con chung, giao chị D chăm

sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung là Đỗ Quang H1, sinh ngày 31/3/2009 và Đỗ Hương G, sinh ngày 02/12/2005 cho đến khi các con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về án phí, chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị D yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Hiện anh H đang cư trú tại thôn Trà T, xã An T, TP. Hải Dương. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt anh H.

[2]. Xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ lời khai của chị D, ông Th và kết quả xác minh tại UBND xã An T thấy rằng: Chị D và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng Đ (nay là xã An T), thành phố Hải Dương vào ngày 09/6/2005, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh H không quan tâm đến vợ con, nghiện ma túy và đi tù 02 lần đều về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh đều vắng mặt, không có quan điểm giải quyết. Xét thấy, chị D và anh H hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị D và anh H có 02 con chung là Đỗ Quang H1, sinh ngày 31/3/2009 và Đỗ Hương G, sinh ngày 02/12/2005. Xét chị D có công việc, thu nhập ổn định và đang chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Anh H là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung cần giao cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, điều này cũng là phù hợp với chính nguyện vọng của các con chung muốn được ở với chị D. Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, xét yêu cầu này của chị D là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Đỗ Văn H.
- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là Đỗ Hương G, sinh ngày 02/12/2005 và Đỗ Quang H1, sinh ngày 31/3/2009, kể từ tháng 5/2020 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000880 ngày 14/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị D đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã An T, TP. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hà